

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP TẮM LÁ THỐNG
NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/TNS-BCTN2024

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 07 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492031000061 do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/09/2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 14/4/2023.
- Vốn điều lệ: **200.000.000.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Số điện thoại: 84-254-3923636/7/8
- Số fax: 84-254-3923639
- Website: www.tnsteel.vn
- Mã cổ phiếu: TNS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ Phần Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) được thành lập vào năm 2007 nhằm đáp ứng nhu cầu thép tấm lá nội địa và xuất khẩu trong khu vực. Các cổ đông sáng lập của TNS đều thuộc ngành thép: Tổng Công Ty Thép Việt Nam-CTCP, Công ty Cổ Phần Kim Khí TP. HCM, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC, Công ty Tôn Phương Nam, Công ty TNHH Thương Mại Thép Mười Đây, trong đó nguồn vốn của nhà nước hiện nay chiếm 31.25 % tổng số vốn điều lệ Công ty.

Năm 2010 nhà máy chính thức đi vào hoạt động với công suất 200.000 tấn/năm, toàn bộ sản phẩm được sản xuất theo quy trình kiểm tra nghiêm ngặt, đạt tiêu chuẩn quốc tế JIS G3141:06 của Nhật Bản. Từ đó Công ty không ngừng phát triển, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm.

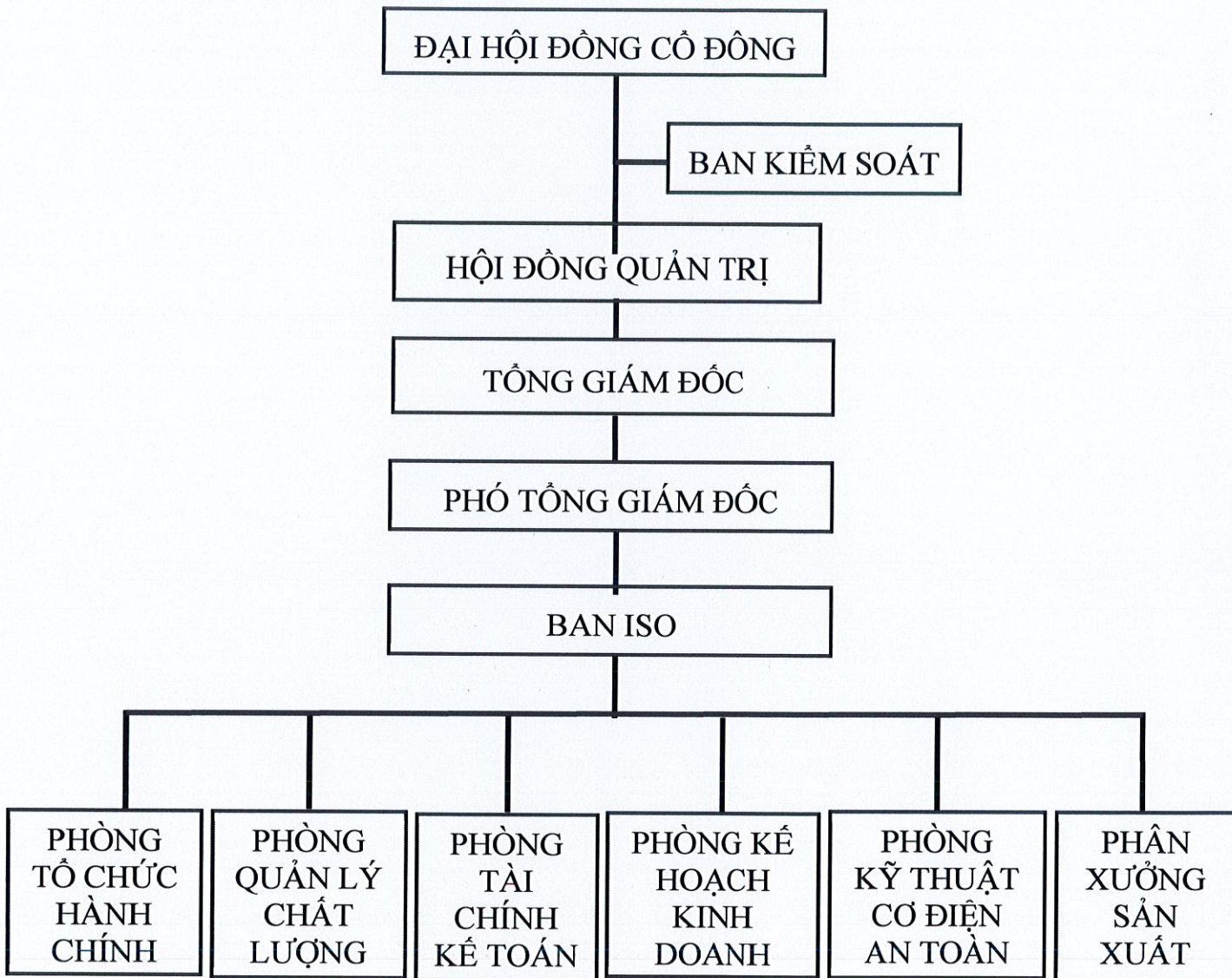
Với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhiều năm kinh nghiệm quy tụ từ các nhà máy cán nguội lớn, được đào tạo tại Mỹ, Thụy Điển...hoạt động theo tinh thần teamwork, TNS mong muốn trở thành một trong những công ty sản xuất thép tấm lá hàng đầu Việt Nam và khu vực.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép
- Địa bàn kinh doanh: toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: công ty đang hoạt động theo mô hình a tại điều 137 Luật Doanh Nghiệp.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần, cơ cấu bộ máy quản lý như sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển doanh nghiệp bền vững cung cấp cho thị trường các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đáp ứng được nhu cầu đổi mới, bắt kịp đà phát triển của ngành nghề hoạt động và xã hội.
- Công ty xác định duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tối đa mong muốn khách hàng, thông qua việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý là điều kiện tiên quyết để công ty tồn tại và phát triển bền vững cụ thể:
 - + Đầu tư cải tạo các thiết bị chất lượng đảm bảo dây chuyền luôn hoạt động ổn định, sản xuất ra sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
 - + Tiêu thụ sản phẩm: Giữ vững khách hàng truyền thống, phát triển thêm khách hàng mới, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường xã hội và cộng đồng)
 - + Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty nhằm đảm bảo sức khoẻ cho người lao động trong công ty và cộng đồng dân cư địa phương.
 - + Hàng năm Công ty thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương như ủng hộ công tác xã hội từ thiện, hỗ trợ các quỹ an sinh xã hội, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai...

5. Các rủi ro

- **Rủi Ro Về An Toàn Lao Động**
 - + Nhiệt độ cao: Công nhân có thể bị bỏng hoặc mắc các bệnh liên quan đến nhiệt độ cao do tiếp xúc với kim loại nóng và các thiết bị nung nóng.
 - + Tiếng ồn: Tiếng ồn từ máy móc và thiết bị có thể gây mất thính lực nếu không được bảo vệ đúng cách.
 - + Chấn thương cơ xương: Công nhân thường phải làm việc với các vật nặng và trong tư thế không thuận lợi, dễ dẫn đến các chấn thương cơ xương.
- **Rủi Ro Về Môi Trường**
 - + Ô nhiễm không khí: Quá trình sản xuất thép cán nguội có thể phát sinh bụi và khí thải gây ô nhiễm không khí.
 - + Ô nhiễm nước: Nước thải từ quá trình sản xuất có thể chứa các chất hóa học độc hại, gây ô nhiễm nguồn nước.
 - + Chất thải rắn: Các phế liệu kim loại và chất thải rắn khác cần được quản lý và xử lý đúng cách để tránh gây hại cho môi trường.
- **Rủi Ro Về Kỹ Thuật**
 - + Hồng học thiết bị: Máy móc và thiết bị có thể gặp sự cố kỹ thuật, gây gián đoạn quá trình sản xuất và tăng chi phí bảo trì.

- + **Chất lượng sản phẩm:** Các lỗi kỹ thuật trong quá trình sản xuất có thể dẫn đến sản phẩm không đạt chất lượng, ảnh hưởng đến uy tín và doanh thu của công ty.
- + **Công nghệ lạc hậu:** Sử dụng công nghệ cũ có thể làm giảm hiệu suất và tăng chi phí sản xuất.
- **Rủi Ro Về Kinh Tế**
 - + **Biến động giá nguyên liệu:** Giá nguyên liệu đầu vào như thép phế liệu và năng lượng có thể biến động mạnh, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất.
 - + **Cạnh tranh thị trường:** Ngành thép cán nguội có sự cạnh tranh cao, đòi hỏi công ty phải liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - + **Rủi ro tài chính:** Các vấn đề về tài chính như nợ xấu, lãi suất vay cao có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Rủi Ro Về Pháp Lý**
 - + **Tuân thủ quy định:** Công ty cần tuân thủ các quy định về an toàn lao động, môi trường và chất lượng sản phẩm để tránh bị phạt và mất uy tín
 - + **Tranh chấp pháp lý:** Các tranh chấp pháp lý với đối tác, khách hàng hoặc nhân viên có thể gây ra chi phí pháp lý và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Công ty tập trung bán hàng và gia công cho các khách hàng chính là các công ty sản xuất tôn mạ trong nước, với tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong 12 tháng năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ so sánh	
		KH năm	Thực hiện	% So với KH năm	+/- So với cùng kỳ
Sản xuất (tấn)	142.770	140.000	263.463	188	85
Tiêu thụ (tấn)	142.019	140.000	257.972	184	82

Đánh giá kết quả:

Tổng sản lượng chính phẩm sản xuất năm 2024 đạt 263.463 tấn, đạt 188 % so với kế hoạch năm, tăng 85% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng bán hàng đạt 257.972 tấn, đạt 184% so với kế hoạch năm, tăng 82% so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân Sự.

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ vốn điều lệ
1	Ông Tô Ngọc Huy	Tổng Giám Đốc	-	-
		Đại diện vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	3.749.689	18.75 %
		Cá nhân	6.180	0,031 %
2	Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám Đốc	400	0,002 %
3	Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế Toán Trưởng	0	0 %

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2024: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 92 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	398.722	450.562	13%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.107.890	2.555.799	130%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	5.372	60.953	1034%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-746	-942	-26%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	4.625	59.651	1189%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.778	49.473	1209%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn			

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh	0,53 lần	0,66 lần	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,18 lần	0,095 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	92,27%	82,50%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	187 %	46.71%	
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	14 lần	13 lần	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	3,01	5,67	
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,34%	1,93%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	13,06%	62,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,03%	10,98%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,48%	2,37%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 20.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 17/2/2025)

Tổng số cổ đông hiện hành: **1.216 cổ đông**

1. Cổ đông lớn:

STT	Cá nhân/ tổ chức	Số lượng CP	Tỷ lệ trên VDL
-----	------------------	-------------	----------------

1	Tổng Công ty Thép Việt Nam	6.249.481	31,25%
2	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh	1.400.000	7,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	1.400.000	7,00%
4	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	1.199.909	6,00%
5	Công ty Tôn Phương Nam	1.000.000	5,00%
6	Nguyễn Ngọc Hải	1.528.400	7,642%
	Tổng	12.777.790	63,89%

Cổ đông nhỏ: 1,210 cổ đông (tương đương 7.222.210 CP chiếm 36.11 % tổng số cổ phần đang lưu hành)

2. Cổ đông là tổ chức: 7 cổ đông (tương đương 11.530.090 CP chiếm 57,65% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Cổ đông là cá nhân: 1,209 cổ đông (tương đương 8.469.910 Cp chiếm 42,35% tổng số cổ phần đang lưu hành)

3. Cổ đông nước ngoài: 03 cổ đông (tương đương 13.200 cp chiếm 0,066% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Cổ đông trong nước: 1.213 cổ đông (tương đương 19.986.800 CP, chiếm 99,934% tổng số cổ phần đang lưu hành)

4. Cổ đông nhà nước: 01 (Tổng Công ty Thép Việt Nam: 6.249.481 CP, chiếm 31,25 % tổng số cổ phần đang lưu hành)

Cổ đông khác: 1305 cổ đông (tương đương 13.750.519 cp chiếm 68,75 % tổng số cổ phần đang lưu hành)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không có đợt tăng vốn góp chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Giấy bao gói: 23.00 tấn
- Bọ đai: 24.40 tấn

- Đại ộp biên (trong và ngoài): 27.33 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng: 91.5 KWh/tấn sản phẩm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: thay thế các bóng đèn huỳnh quang thông thường bằng các loại bóng tiết kiệm điện năng. Tuyên truyền ý thức tiết kiệm điện cho người lao động.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 21.077 m³, từ Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ hàng năm.

Thực hiện các giải pháp triệt để nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: thu gom phân loại rác, phân loại chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và xử lý theo quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động năm 2024: 92 người.

- Mức lương trung bình năm 2024: 20 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Các chế độ chính sách cho người lao động được chăm lo và duy trì thực hiện đầy đủ. Ban an toàn lao động kiểm tra nhắc nhở thực hiện công tác an toàn lao động vệ sinh trong toàn nhà máy, an toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: đào tạo theo các nhóm lao động, nâng cao tay nghề và kỹ năng làm việc.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Số liệu kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ so sánh	
		KH năm	Thực hiện	% So với KH năm	+/- So với 2023
Sản xuất (tấn)	142.770	140.000	263.463	188	+85
Chính phẩm	64.118	50.000	148.459	297	+132
Gia công	78.652	90.000	115.004	128	+46
Tiêu thụ (tấn)	142.019	140.000	257.972	184	+82
Chính phẩm	63.901	50.000	142.646	285	+123
Gia công	78.118	90.000	115.326	128	+48

- Đánh giá kết quả:
 - + Tổng sản lượng sản xuất 2024: 263.463 tấn đạt 188% kế hoạch năm và tăng 85% so với năm 2023.
 - + Tổng sản lượng tiêu thụ 2024: 257.972 tấn đạt 184% kế hoạch năm và tăng 82% so với năm 2023.
- Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tài chính:

STT	Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ so sánh (%)	
			Kế hoạch năm	Thực hiện	So với kế hoạch	(+/-) So với cùng kỳ
1	DT thuần bán hàng và CCDV	1.107.891	674.353	2.555.800	379%	131%
2	Giá vốn hàng bán	1.088.711	652.644	2.485.080	381%	128%
3	LN gộp về bán hàng và CCDV	19.180	21.710	70.720	326%	269%
4	Doanh thu hoạt động TC	171	60	70	117%	-59%
5	Chi phí tài chính	2.282	7.008	-10.279	-147%	-550%
	trong đó: CP lãi vay	578	4.368	-10.877	-249%	-1982%
6	Chi phí bán hàng	2.498	2.154	4.880	227%	95%
7	Chi phí QLDN	9.200	11.008	15.594	142%	70%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.372	1.600	60.593	3.787%	1028%
9	Thu nhập khác	2.492		592		-76%
10	Chi phí khác	3.238	600	1.534	256%	-53%
11	Lợi nhuận khác	-746	-600	-942	157%	26%
12	LN kế toán trước thuế	4.626	1.000	59.651	5.965%	1.189%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	848		10.177		1.100%
14	Lợi nhuận sau thuế	3.778	1.000	49.474	4.947%	1.210%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty lãi 49 tỷ 474 triệu đồng đạt 4.947 % so với kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, tổng tài sản tăng 13% so với đầu năm trong đó hàng tồn kho tăng 78% tương đương 83 tỷ VND (chủ yếu nguyên liệu sản xuất và thành phẩm) và tài sản dở dang dài hạn tăng 906% tương đương gần 5 tỷ VND (chi phí xây dựng cơ bản). Số vòng quay các khoản phải thu là 85,72 và số vòng quay hàng tồn kho là 16,80. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định 13,65 và hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản 2024 là 6.02.

b) Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2024, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 153,66 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 218,73 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 113,49 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 147,95 tỷ VND), chỉ số khả năng thanh toán nhanh là 0,10 (tại ngày 01/01/2024 là 0,18), lỗ lũy kế là 121,92 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 171,39 tỷ VND), nợ phải trả gấp 4,71 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2024 là 12,57 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Cải tiến cơ cấu tổ chức

- **Tái cấu trúc bộ phận:** Sắp xếp lại các bộ phận để tăng cường hiệu quả làm việc và giảm thiểu sự chồng chéo trong công việc.
- **Phân quyền rõ ràng:** Xác định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn của từng vị trí để đảm bảo mọi người đều hiểu rõ vai trò của mình.
- **Tăng cường giao tiếp nội bộ:** Thiết lập các kênh giao tiếp hiệu quả giữa các bộ phận để đảm bảo thông tin được truyền đạt nhanh chóng và chính xác.

b) Cải tiến chính sách

- **Chính sách phát triển nhân sự:** Đưa ra các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên để nâng cao năng lực làm việc.
- **Chính sách khen thưởng và phúc lợi:** Xây dựng các chính sách khen thưởng công bằng và hợp lý để khuyến khích nhân viên làm việc hiệu quả.
- **Chính sách bảo vệ môi trường:** Áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh để góp phần vào sự phát triển bền vững.

c) Cải tiến quản lý

- **Ứng dụng công nghệ:** Sử dụng các phần mềm quản lý hiện đại để tối ưu hóa quy trình làm việc và giảm thiểu sai sót.
- **Quản lý dựa trên dữ liệu:** Sử dụng dữ liệu để đưa ra các quyết định quản lý chính xác và hiệu quả hơn.
- **Đánh giá hiệu quả công việc:** Thiết lập hệ thống đánh giá hiệu quả công việc dựa trên các tiêu chí rõ ràng và minh bạch.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nghiên cứu nâng công suất của Công ty lên 250.000 -300.000 tấn /năm.
- Phối hợp các đơn vị trong cùng hệ thống để gia tăng sản lượng, mở rộng thị phần.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề như:

- Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel.
- Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TNS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024:

- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và năm 2023.
- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 31/12/2024: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện trả nợ đúng kế hoạch.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Công ty đã thực hiện xin giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường Luật số 72/2020/QH14 đồng thời duy trì các công tác bảo vệ môi trường về nước thải, khí thải, theo đúng luật quy định như sau:

Nước thải: Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát cho hệ thống tản nhiệt, quá trình sinh hoạt, nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom và dẫn về hồ tập trung xử lý cục bộ. Nước được tập trung về bể lưu trữ nước thải tập trung của công ty và được xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty trước khi đầu nối với hệ thống xử lý khu công nghiệp.

Biện pháp quản lý và hệ thống xử lý nước thải: hệ thống xử lý nước thải với công suất 10m³/ ngày đêm, sử dụng công nghệ lắng hoá lý – vi sinh.

Kết quả quan trắc định kỳ: lượng nước thải này sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 52:2013/BNMT cột B để sau đó nước thải tiếp tục đầu nối vào cống thoát nước của hạ tầng KCN Phú Mỹ 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Khí thải: Mô tả các nguồn phát sinh khí thải: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu và thành phẩm, phân xưởng cán nguội, phân xưởng cuộn lại và phân xưởng lưu trữ sản phẩm. Lượng khí thải phát sinh của từng nguồn thải: lượng phát sinh khí thải không đáng kể.

Biện pháp quản lý và hệ thống xử lý khí thải: khí thải phát sinh từ phân xưởng cán nguội được hệ thống hút hơi và hệ thống lọc ngưng tụ hơi dầu trước khi thải ra môi trường, các khu vực khác dùng biện pháp giảm thiểu được áp dụng gồm: vệ sinh nhà xưởng, bảo trì máy móc, lắp hệ thống thông gió, quạt hút công nghiệp, trang bị bảo hộ lao động, bê tông hóa tuyến đường nội bộ và thường xuyên vệ sinh tuyến đường nội bộ, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy

Kết quả quan trắc định kỳ: Qua kết quả phân tích và đánh giá các thông số điều nằm tiêu chuẩn cho phép.

Chất thải CTRTT: Mô tả các nguồn phát sinh CTRTT. Chất thải rắn không nguy hại gồm: Sắt phế liệu, que hàn; Giấy vụn; Gỗ... phát sinh trong các quá trình hoạt động phục vụ sản xuất và quá trình sản xuất của nhà máy.

Thông kê các loại CTR: Sắt phế liệu, Giấy vụn; Gỗ... khối lượng 8000kg/năm.

Công tác quản lý CTR: phân loại và bán lại cho đơn vị có chức năng thu mua.

Chất thải sinh hoạt: Mô tả các nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, chất thải từ quá trình sinh hoạt của con người, phát sinh trong các quá trình hoạt động sinh hoạt của CBCNV.

Thông kê các loại CTR: khối lượng 1680 kg/năm.

Công tác quản lý CTR: chuyển giao cho công ty dịch vụ đô thị Tân Thành để xử lý.

Chất thải nguy hại: Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu trong quá trình cán nguội, mài trục, xử lý nước, vệ sinh công nghiệp...

Thông kê các loại CTNH: giấy lọc nhiễm dầu, vải lau nhiễm dầu, bùn thải nghiền mài có dầu, chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý dầu làm mát trong quá trình cán, bùn thải từ quá trình xử lý nước, số lượng 72 Tấn/năm.

Công tác quản lý CTNH: Số lượng các loại chất thải này được nhân viên Công ty phân loại và quản lý riêng biệt khác nhau theo đúng hướng dẫn tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ quy định về Quản lý chất thải nguy hại. Chất thải rắn nguy hại được Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- **Hiệu Quả Công Việc**

+ **Năng suất lao động:** Người lao động đã đạt được các mục tiêu sản xuất và dịch vụ đề ra, với tỷ lệ hoàn thành công việc đúng hạn đạt 95%.

+ **Chất lượng công việc:** Sản phẩm do người lao động cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

+ **Thời gian hoàn thành:** Đa số các dự án và nhiệm vụ được hoàn thành đúng hoặc trước thời hạn, góp phần vào hiệu quả hoạt động chung của công ty.

- **Kỹ Năng và Năng Lực**

+ **Kỹ năng chuyên môn:** Người lao động có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo và cập nhật kiến thức thường xuyên.

+ **Kỹ năng mềm:** Nhân viên thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề tốt, góp phần vào môi trường làm việc tích cực.

+ **Khả năng học hỏi và phát triển:** Người lao động có khả năng tiếp thu nhanh chóng các kiến thức mới và áp dụng hiệu quả vào công việc.

- **Thái Độ và Hành Vi**

- + **Thái độ làm việc:** Nhân viên thể hiện sự nhiệt tình, trách nhiệm và cam kết cao đối với công việc.
 - + **Hành vi tại nơi làm việc:** Người lao động tuân thủ các quy định của công ty và duy trì mối quan hệ tốt với đồng nghiệp.
 - + **Tinh thần hợp tác:** Nhân viên luôn sẵn sàng hỗ trợ và hợp tác với đồng nghiệp, tạo nên một môi trường làm việc đoàn kết.
 - **Sự hài lòng và Phúc Lợi**
 - + **Sự hài lòng của người lao động:** mức độ hài lòng của nhân viên với công việc và môi trường làm việc cao.
 - + **Chính sách phúc lợi:** Công ty cung cấp các chính sách phúc lợi hấp dẫn, bao gồm bảo hiểm y tế, nghỉ phép có lương và các chương trình đào tạo phát triển.
 - + **Cơ hội thăng tiến:** Công ty tạo điều kiện cho nhân viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến, với nhiều chương trình đào tạo và cơ hội thăng chức.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- **Phát Triển Kinh Tế Địa Phương**
 - + **Tạo việc làm:** Công ty đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao thu nhập.
 - **Hoạt Động Xã Hội**
 - + **Chương trình từ thiện:** Trong năm 2024, người lao động Công ty đã ủng hộ đồng bào bị lũ lụt trong cơn bão số 3.
 - + **Các hoạt động xã hội khác:** Trong năm 2024, Đoàn Thanh niên Công ty tham gia chiến dịch kỷ niệm hồng “Thấp nền và tri ân các anh hùng thương binh liệt sĩ”, tặng quà cho các học sinh nghèo vượt khó,
 - **Bảo Vệ Môi Trường**
 - + **Chương trình bảo vệ môi trường:** Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, bao gồm trồng cây xanh, giảm thiểu rác thải và sử dụng năng lượng tái tạo.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện nhiều cuộc họp và đánh giá toàn diện về các hoạt động của Công ty. Dưới đây là những điểm nổi bật:

- **Hoạt động kinh doanh**
- + **Kết quả kinh doanh:** Công ty đã đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra, với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ổn định. Các chiến lược mở rộng thị trường và đầu tư công nghệ đã mang lại hiệu quả tích cực.

- + Quản trị công ty: HĐQT đã tuân thủ đúng các quy định về quản trị công ty, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong mọi hoạt động.
- **Trách nhiệm môi trường**
- + Bảo vệ môi trường: Công ty đã triển khai nhiều biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, bao gồm việc sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải. Các dự án xanh đã được đầu tư và phát triển, góp phần bảo vệ môi trường sống.
- + Tuân thủ quy định: Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo các hoạt động sản xuất không gây hại đến môi trường xung quanh
- **Trách nhiệm xã hội**
- + Hoạt động cộng đồng: Công ty đã tham gia và tài trợ nhiều chương trình xã hội, từ thiện, hỗ trợ cộng đồng địa phương. Các hoạt động này không chỉ nâng cao hình ảnh của Công ty mà còn góp phần cải thiện đời sống của người dân
- + Chăm sóc nhân viên: Công ty luôn chú trọng đến quyền lợi và phúc lợi của nhân viên, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và công bằng

Kết luận

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu mà Công ty đã đạt được trong năm qua. Công ty không chỉ hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh mà còn thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và xã hội. HĐQT cam kết sẽ tiếp tục giám sát và hỗ trợ Ban điều hành để duy trì và phát triển các giá trị này trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hiện có 01 thành viên của HĐQT là thành viên Ban TGD, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban TGD.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập Trung cải tiến quy trình sản xuất và quản lý để nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường quản trị rủi ro: Xây dựng và triển khai các chính sách quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo an toàn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý: Đào tạo và phát triển đội ngũ quản lý, nâng cao năng lực và kỹ năng lãnh đạo để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Minh bạch và trách nhiệm: Đảm bảo tính minh bạch trong mọi hoạt động, tuân thủ các quy định pháp luật và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- Bảo vệ môi trường: Tiếp tục triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

- Trách nhiệm xã hội: Tham gia và hỗ trợ các hoạt động xã hội, từ thiện, góp phần cải thiện đời sống cộng đồng và xây dựng hình ảnh tích cực cho Công ty.
- Phát triển bền vững: Định hướng phát triển bền vững, cân bằng giữa lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Ghi chú
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	815,000 CP 4.08%	06/04/2022	-	Giám đốc Dự Án Công ty CP Đầu tư - Thương mại SMC
2	Tô Ngọc Huy	Thành viên – Kiêm nhiệm Tổng Giám Đốc	6.180 CP 0,031%	11/04/2023	-	-
3	Lê Việt	Thành viên HĐQT không điều hành	0 CP	06/04/2022	-	Phó TGD thứ 1 Công Ty Tôn Phương Nam
4	Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT không điều hành	0 CP	06/04/2022	-	Phó TGD Công Ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh
5	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT không điều hành	0 CP	06/04/2022	-	Thành Viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
6	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	17.400 CP 0,087%	06/04/2022	-	Phó Trưởng ban Kế Hoạch Thị Trường Tổng Công ty Thép

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Ghi chú
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
						Việt Nam; TVHĐQT Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có do công ty đang hoạt động theo mô hình a tại điều 137 Luật Doanh Nghiệp

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị
- + Tinh thần trách nhiệm: HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ Công ty
- + Minh bạch và công khai: Các cuộc họp và quyết định của HĐQT đều được thực hiện một cách minh bạch, công khai, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và các bên liên quan.
- + Giám sát hoạt động: HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát các hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo các kế hoạch và chiến lược được triển khai hiệu quả.
- + Đánh giá định kỳ: HĐQT đã tiến hành các cuộc họp định kỳ để đánh giá và điều chỉnh các chiến lược kinh doanh, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển của Công ty.
- + HĐQT đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng và định hướng các chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, bao gồm mở rộng thị trường và đầu tư công nghệ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/	Trình độ chuyên môn

1	Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	-	06/04/2022	Đại Học
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	-	06/04/2022	Đại Học
3	Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên	-	10/04/2024 (Bầu bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027)	Thạc sĩ
4	Ông Triệu Anh Vũ	Thành Viên	-	10/04/2024 (Miễn nhiệm)	Đại Học

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Đánh giá hoạt động BKS:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành về các cuộc họp hàng quý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, BKS đã thực hiện các công tác:

- + Giám sát HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành Công ty; thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT.
- + Giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- + Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình của Công ty
- + Kiểm tra và thẩm định các báo cáo tài chính quý, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm.
- + Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định của Nhà nước.
- + Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát
- Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thúy Trinh	4/4	100%	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	4/4	100%	100%	-
3	Ông Nguyễn Duy Dũng	2/2	100%	100%	(Bầu bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027)

4	Ông Triệu Anh Vũ	2/2	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 10/4/2024
---	------------------	-----	------	------	---------------------------------

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập (đồng)	Ghi chú
1	Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	54.000.000	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Tô Ngọc Huy	Tổng giám đốc/Thành viên HĐQT	611.560.318	HĐQT không chuyên trách/ Ban Điều Hành. Không nhận thù lao Hội đồng quản trị theo quy định của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
3	Lê Việt	Thành viên HĐQT	36.000.000	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	36.000.000	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	36.000.000	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	36.000.000	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng giám đốc	488.413.838	Ban Điều Hành
8	Trần Thị Thùy Trang	Kế toán trưởng	387.301.038	Ban Điều Hành
9	Lê Thúy Trinh	Trưởng ban kiểm soát	289.234.813	BKS chuyên trách
10	Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	24.000.000	BKS không chuyên trách
11	Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS	6.000.000	BKS không chuyên trách
12	Nguyễn Duy Dũng	Thành viên BKS	18.000.000	BKS không chuyên trách (Bầu bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027 vào 10/04/2024)
13	Nguyễn Trường Hải	Thư ký HĐQT/người phụ	268.731.803	Người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập (đồng)	Ghi chú
		trách quản trị công ty		

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Nguyễn Văn Sinh	Cha ông Nguyễn Trường Hải (Người phụ trách quản trị Công ty)	3300	0,0165%	2890	0,01445%	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm trong mọi hoạt động. Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn quản trị công ty trong tương lai.

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên
Ông Lê Việt	Thành viên
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên
Ông Lại Văn Quyên	Thành viên
Ông Tô Ngọc Huy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tô Ngọc Huy	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Tô Ngọc Huy - Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

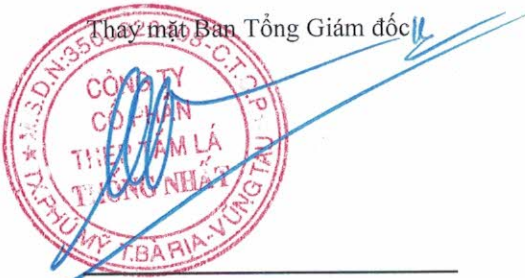
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Số: 190225.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 22 tháng 01 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả cho Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel lũy kế đến ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024 với cùng số tiền là 54,52 tỷ VND (trong đó, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2023 Công ty đang ghi nhận tăng khoản phải thu và phải trả khác với số tiền 4,4 tỷ VND). Điều này đã dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn" tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 đang phản ánh thiếu cùng số tiền 50,12 tỷ VND; chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 đang phản ánh thừa cùng số tiền 54,52 tỷ VND, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 đang phản ánh thừa cùng số tiền 4,4 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" năm 2023 đang phản ánh thiếu số tiền là 4,4 tỷ VND; chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" năm 2023 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" năm 2023 đang phản ánh thừa số tiền tương ứng.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



2. Tại ngày 31/12/2024, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 153,66 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 218,73 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 113,49 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 147,95 tỷ VND), chỉ số khả năng thanh toán nhanh là 0,10 (tại ngày 01/01/2024 là 0,18), lỗ lũy kế là 121,92 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 171,39 tỷ VND), nợ phải trả gấp 4,71 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2024 là 12,57 lần). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		221.391.276.726	163.572.103.860
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.221.405.547	8.713.496.378
111	1. Tiền		4.221.405.547	8.713.496.378
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.675.750.532	45.950.319.161
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.897.703.823	38.674.460.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.276.079.788	1.748.536.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.501.966.921	5.527.322.568
140	III. Hàng tồn kho	7	189.366.760.583	106.389.518.038
141	1. Hàng tồn kho		189.366.760.583	106.389.518.038
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		14.127.360.064	2.518.770.283
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.111.084.527	1.194.693.029
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.016.275.537	1.324.077.254
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		229.171.328.618	235.150.560.033
220	I. Tài sản cố định		175.482.599.832	198.873.266.047
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	175.482.599.832	198.873.266.047
222	- Nguyên giá		547.206.697.745	545.623.949.745
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(371.724.097.913)	(346.750.683.698)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	8	5.279.738.989	525.044.459
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.279.738.989	525.044.459
260	III. Tài sản dài hạn khác		48.408.989.797	35.752.249.527
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	48.408.989.797	35.752.249.527
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		450.562.605.344	398.722.663.893

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		371.716.158.598	369.350.197.933
310	I. Nợ ngắn hạn		334.885.668.632	311.519.707.967
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	48.433.733.433	91.616.820.515
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	144.193.365.033	48.203.892.826
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11.522.648.212	1.531.685.186
314	4. Phải trả người lao động		8.010.623.449	724.375.082
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.678.369.520	1.555.822.630
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	104.736.378.555	117.657.026.678
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	16.201.101.263	50.120.635.883
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	II. Nợ dài hạn		36.830.489.966	57.830.489.966
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	36.830.489.966	57.830.489.966
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		78.846.446.746	29.372.465.960
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	78.846.446.746	29.372.465.960
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	764.439.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(121.917.992.998)	(171.391.973.784)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(171.391.973.784)	(175.170.294.562)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		49.473.980.786	3.778.320.778
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		450.562.605.344	398.722.663.893

Đỗ Thị Thu Phương
Người lậpTrần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.556.153.106.361	1.108.254.310.600
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	353.308.865	363.389.669
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.555.799.797.496	1.107.890.920.931
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.485.080.235.545	1.088.710.664.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.719.561.951	19.180.256.184
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	69.524.858	171.289.262
22	7. Chi phí tài chính	23	(10.278.902.374)	2.281.815.398
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.876.855.313)	577.615.310
25	8. Chi phí bán hàng	24	4.880.396.019	2.497.756.942
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.594.174.484	9.199.556.282
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		60.593.418.680	5.372.416.824
31	11. Thu nhập khác	26	592.121.035	2.491.923.703
32	12. Chi phí khác	27	1.534.270.137	3.238.397.436
40	13. Lợi nhuận khác		(942.149.102)	(746.473.733)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.651.269.578	4.625.943.091
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	10.177.288.792	847.622.313
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49.473.980.786	3.778.320.778
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.474	189



Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		59.651.269.578	4.625.943.091
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.973.414.215	24.914.998.950
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		388.609.399	1.701.375.833
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(67.336.061)	(154.841.575)
06	- Chi phí lãi vay		(10.876.855.313)	577.615.310
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.069.101.818	31.665.091.609
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		20.582.370.346	(45.214.333.427)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(82.977.242.545)	(46.193.855.111)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		65.798.629.565	105.374.961.003
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.048.087.309)	(10.539.084.611)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.236.548.692)	(21.890.810.375)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.576.544.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		58.611.679.183	13.201.969.088
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.862.486.989)	(2.619.093.797)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.336.061	154.841.575
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.795.150.928)	(2.464.252.222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(56.308.854.644)	(26.000.022.920)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(56.308.854.644)	(26.000.022.920)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.492.326.389)	(15.262.306.054)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.713.496.378	23.975.732.026
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		235.558	70.406
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.221.405.547</u>	<u>8.713.496.378</u>



Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 200.000.000.000 VND; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 95 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 86 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế là 121,92 tỷ VND, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 153,66 tỷ VND, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 113,49 tỷ VND, chỉ số khả năng thanh toán nhanh là 0,10, nợ phải trả gấp 4,71 lần vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty Thép Việt Nam được trả dần trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

Trong năm 2024, thị trường tôn mạ tăng trưởng mạnh dẫn đến doanh số bán hàng của Công ty tăng mạnh khiến cho doanh thu tăng 130,65%, giá vốn tăng 128,26% và lợi nhuận gộp tăng 268,71% so với năm ngoái.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trục sử dụng thực tế trong năm so với tổng bán kính trục sử dụng hiệu quả;
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trực cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tiền điện ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm giá hàng bán. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm là giảm giá hàng bán.

Giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	110.890.325	16.919.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.110.515.222	8.696.576.430
	<u><u>4.221.405.547</u></u>	<u><u>8.713.496.378</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.506.362.569	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	3.506.362.569	-	-	-
Bên khác	1.391.341.254	-	38.674.460.393	-
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	1.391.341.254	-	1.273.206.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh	-	-	34.512.895.238	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Tây Nam	-	-	2.267.295.525	-
Phải thu khách hàng khác	-	-	621.063.630	-
	4.897.703.823	-	38.674.460.393	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công Ty TNHH Cơ khí thương mại Lê Duyên Anh	207.018.900	-	30.635.000	-
TENOVA INC	572.521.992	-	-	-
IMS Messsysteme GmbH	1.789.985.340	-	-	-
Chi nhánh Hải phòng - Công ty TNHH Industrielle Beteiligung	-	-	827.195.490	-
Trả trước khác	706.553.556	-	890.705.710	-
	3.276.079.788	-	1.748.536.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	70.000.000	-	139.159.999	-
Ký cược, ký quỹ	969.395.768	-	925.765.578	-
Phải trả lãi chưa ghi nhận chi phí	4.402.486.613	-	4.402.486.613	-
Phải thu khác	56.269.615	-	56.095.453	-
	5.501.966.921	-	5.527.322.568	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Tổng Công ty Điện lực miền Nam - TNHH	969.395.768	-	925.765.578	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	3.191.750.021	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	1.210.736.592	-
Phải thu đối tượng khác	130.084.540	-	199.070.377	-
	5.501.966.921	-	5.527.322.568	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	3.191.750.021	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	1.210.736.592	-
	4.402.486.613	-	4.402.486.613	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu,	103.940.793.841	-	101.157.627.397	-
Công cụ, dụng cụ	137.629.517	-	43.253.756	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.778.038.883	-
Thành phẩm	85.288.337.225	-	3.410.598.002	-
	189.366.760.583	-	106.389.518.038	-

8 . TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.809.597.200	-
- Công trình nhà ăn	3.809.597.200	-
Mua sắm tài sản cố định	1.470.141.789	-
- Phần mềm quản trị dữ liệu công ty rosy	854.950.000	-
- Hệ thống xử lý nước ro	245.000.000	-
- Hệ thống thiết bị nhà bếp	370.191.789	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	525.044.459
- Sửa chữa nhà xưởng	-	525.044.459
	5.279.738.989	525.044.459

CÔNG TY CỔ PHẦN THEP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	75.686.874.594	448.118.150.698	19.925.625.063	1.893.299.390	545.623.949.745
- Mua trong năm	-	898.300.000	-	-	898.300.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	684.448.000	-	-	-	684.448.000
Số dư cuối năm	76.371.322.594	449.016.450.698	19.925.625.063	1.893.299.390	547.206.697.745
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.912.691.153	298.500.506.888	19.925.625.063	1.411.860.594	346.750.683.698
- Khấu hao trong năm	1.982.631.851	22.860.340.144	-	130.442.220	24.973.414.215
Số dư cuối năm	28.895.323.004	321.360.847.032	19.925.625.063	1.542.302.814	371.724.097.913
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	48.774.183.441	149.617.643.810	-	481.438.796	198.873.266.047
Tại ngày cuối năm	47.475.999.590	127.655.603.666	-	350.996.576	175.482.599.832

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 170.352.058.534 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.882.794.405 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ ngắn hạn	929.309.713	981.338.009
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	181.774.814	213.355.020
	1.111.084.527	1.194.693.029
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	13.365.678.933	16.987.517.737
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	31.286.854.906	17.803.668.568
Chi phí sửa chữa	3.756.455.958	961.063.222
	48.408.989.797	35.752.249.527

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	32.903.977.073	32.903.977.073	51.112.488.282	51.112.488.282
Công ty CP Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	32.853.672.833	32.853.672.833	36.253.672.833	36.253.672.833
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	24.989.040	24.989.040	-	-
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	25.315.200	25.315.200	14.858.815.449	14.858.815.449
Bên khác	15.529.756.360	15.529.756.360	40.504.332.233	40.504.332.233
Công ty CP TM và SX Tôn Tân Phước Khanh	-	-	32.097.604.000	32.097.604.000
Công ty CP thiết bị Quang Mình	5.601.156.480	5.601.156.480	950.361.400	950.361.400
Người bán khác	9.928.599.880	9.928.599.880	7.456.366.833	7.456.366.833
	48.433.733.433	48.433.733.433	91.616.820.515	91.616.820.515
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	32.853.672.833	32.853.672.833	36.253.672.833	36.253.672.833
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	-	-	14.858.815.449	14.858.815.449
	32.853.672.833	32.853.672.833	51.112.488.282	51.112.488.282

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Bảo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Tôn Phương Nam (*)	141.999.548.150	47.079.432.443
<i>Bên khác</i>		
Người mua khác	2.193.816.883	1.124.460.383
	2.193.816.883	1.124.460.383
	144.193.365.033	48.203.892.826

(*) Khoản nhận ứng trước tiền hàng của Công ty Tôn Phương Nam theo Hợp đồng mua bán số 041224.HDMB-27.TNS-TPN ngày 04/12/2024 và 051224.HDMB-28.TNS-TPN ngày 05/12/2024 về việc cung cấp sản phẩm Thép cuộn cán nguội SPCC-1B L1.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	(đã điều chỉnh)	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	17.414.179.850	13.033.260.119	-	4.380.919.731	-	-	-	4.380.919.731
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.494.713.590	10.177.288.792	4.576.544.000	-	7.095.458.382	-	-	-	7.095.458.382
Thuế Thu nhập cá nhân	-	36.971.596	516.300.430	507.001.927	-	46.270.099	-	-	-	46.270.099
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	74.000.000	74.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	704.247.617	704.247.617	-	-	-	-	-	-
	-	1.531.685.186	28.886.016.689	18.895.053.663	-	11.522.648.212	-	-	-	11.522.648.212

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	1.299.491.700	1.309.945.800
- Trích trước thù lao HĐQT, BKS	61.500.000	61.500.000
- Chi phí phải trả khác	317.377.820	184.376.830
	1.678.369.520	1.555.822.630

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	12.952.795	16.824.888
- Bảo hiểm xã hội	4.713.555	19.455.084
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	24.786.096.839	37.955.349.927
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.009.820.113	15.987.979.316
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	30.129.341.688	29.060.102.356
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.747.469.190	13.558.319.033
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.237.333	120.249.032
	<u>104.736.378.555</u>	<u>117.657.026.678</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay	69.925.258.640	83.003.431.599
- Lãi chậm trả công nợ	34.684.260.509	34.495.110.352
	<u>104.609.519.149</u>	<u>117.498.541.951</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	40.907.257.194	39.838.017.862
- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.747.469.190	13.558.319.033
	<u>64.813.602.197</u>	<u>63.555.212.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT TÁM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	35.480.079.606	16.201.101.263	16.201.101.263
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	35.480.079.606	16.201.101.263	16.201.101.263
	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	35.480.079.606	16.201.101.263	16.201.101.263
b) Vay dài hạn						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	50.120.635.883	50.120.635.883	1.560.544.986	35.480.079.606	16.201.101.263	16.201.101.263
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽²⁾	57.830.489.966	57.830.489.966	-	21.000.000.000	36.830.489.966	36.830.489.966
	107.951.125.849	107.951.125.849	1.560.544.986	56.480.079.606	53.031.591.229	53.031.591.229
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(50.120.635.883)	(50.120.635.883)	(1.560.544.986)	(35.480.079.606)	(16.201.101.263)	(16.201.101.263)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	57.830.489.966	57.830.489.966			36.830.489.966	36.830.489.966

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

- (a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 314.800 USD, tương đương với 8.043.454.800 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 8.157.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2024 là 36.830.489.966 VND. Khoản vay phải trả không xác định rõ thời điểm trả gốc vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

e) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	16.201.101.263	24.786.096.839	50.120.635.883	37.955.349.927
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	30.129.341.688	-	29.060.102.356
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	15.009.820.113	-	15.987.979.316
	16.201.101.263	69.925.258.640	50.120.635.883	83.003.431.599

f) Các khoản vay với các bên liên quan

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
TCT Thép Việt Nam - CTCP (*)	36.830.489.966	30.129.341.688	57.830.489.966	29.060.102.356
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	16.201.101.263	24.786.096.839	50.120.635.883	37.955.349.927
	53.031.591.229	54.915.438.527	107.951.125.849	67.015.452.283

(*) Cổ đông lớn

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	200.000.000.000	764.439.744	(175.170.294.562)	25.594.145.182
Lãi trong năm trước	-	-	3.778.320.778	3.778.320.778
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	200.000.000.000	764.439.744	(171.391.973.784)	29.372.465.960
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	200.000.000.000	764.439.744	(171.391.973.784)	29.372.465.960
Lãi trong năm nay	-	-	49.473.980.786	49.473.980.786
Số dư cuối năm nay (đã điều chỉnh)	200.000.000.000	764.439.744	(121.917.992.998)	78.846.446.746

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25	62.494.810.000	31,25	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00	11.999.090.000	6,00	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75	87.506.100.000	43,75	87.506.100.000
	100	200.000.000.000	100	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	764.439.744
	764.439.744	764.439.744

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty có hợp đồng thuê đất số 10/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 20/03/2008 và phụ lục hợp đồng số 86/PLHĐ/TLĐ/IZICO ngày 01/04/2013 ký với Công ty Đầu Tư và Khai Thác Hạ Tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I để thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m², thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2048. Số tiền phải trả về tiền thuê đất và tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 36.960 USD/năm.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	201,16	201,16

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.395.583.610.860	1.014.645.654.875
Doanh thu bán phế liệu	58.435.733.000	30.314.441.431
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	102.133.762.501	61.880.164.294
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho	-	1.414.050.000
	<u>2.556.153.106.361</u>	<u>1.108.254.310.600</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>1.596.729.671.230</u>	<u>721.322.284.190</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	353.308.865	363.389.669
	<u>353.308.865</u>	<u>363.389.669</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.363.573.759.472	1.008.871.421.024
Giá vốn bán phế liệu	55.684.656.321	27.981.939.858
Giá vốn của dịch vụ gia công	65.821.819.752	51.857.303.865
	<u>2.485.080.235.545</u>	<u>1.088.710.664.747</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>24.012.942.550</u>	<u>60.715.222.235</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	67.336.061	154.841.575
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.188.797	16.447.687
	<u>69.524.858</u>	<u>171.289.262</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay (*)	(10.876.855.313)	577.615.310
Lãi chậm trả (**)	189.150.157	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.193.383	2.824.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	388.609.399	1.701.375.833
	<u>(10.278.902.374)</u>	<u>2.281.815.398</u>

(*) Trong năm, chi phí lãi vay phát sinh đối với Tổng Công ty Thép Việt Nam là 3.069.239.332 VND, lãi vay được giảm theo công văn số 69/TCKT-VNS ngày 22/01/2025 của Tổng Công ty Thép Việt Nam là số tiền 2.000.000.000 VND; chi phí lãi vay phát sinh đối với Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VIETCREDIT) là 3.053.905.355 VND, lãi vay được giảm theo các công văn số 960/2024/VietCredit-CV ngày 23/12/2024 của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VIETCREDIT) là số tiền 15.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(**) Trong năm, chi phí lãi chậm trả phát sinh đối với Công ty TNHH MTV Tấm lá Phú Mỹ là 378.300.314 VND, lãi vay được giảm theo công văn số 65/TLPM-KTTC ngày 29/03/2024 của Công ty TNHH MTV Tấm lá Phú Mỹ là số tiền 189.150.157 VND.

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.127.276	7.038.430
Chi phí nhân công	4.465.020.543	2.427.213.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.220.000	13.106.855
Chi phí khác bằng tiền	387.028.200	50.398.500
	4.880.396.019	2.497.756.942

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	555.045.688	318.800.086
Chi phí nhân công	8.796.729.527	5.171.608.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.270.087	114.978.874
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.007.753.222	1.440.443.365
Chi phí khác bằng tiền	3.080.375.960	2.148.725.371
	15.594.174.484	9.199.556.282

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền bán phế phẩm	592.098.435	2.167.216.000
Xử lý xóa nợ theo biên bản cân trừ công nợ	-	324.703.500
Thu nhập khác	22.600	4.203
	592.121.035	2.491.923.703

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	866.092.878	20.133.747
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	246.000.000	246.000.000
Chi phí trong giai đoạn dừng sản xuất	-	2.589.494.859
Chi phí không đủ hóa đơn chứng từ	422.177.259	382.768.830
	1.534.270.137	3.238.397.436

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.651.269.578	4.625.943.091
Các khoản điều chỉnh tăng	3.181.504.583	3.261.541.007
- Chi phí không hợp lệ	3.181.504.583	3.261.541.007
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.946.330.203)	(3.649.372.534)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(235.558)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.324.669.034)
- Chi phí lãi vay không tính vào chi phí hợp lệ các năm trước năm nay được giảm	(11.946.094.645)	(324.703.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	50.886.443.958	4.238.111.564
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	10.177.288.792	847.622.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.494.713.590	647.091.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.576.544.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	7.095.458.382	1.494.713.590

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.473.980.786	3.778.320.778
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	49.473.980.786	3.778.320.778
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.474	189

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.391.755.894.574	1.022.186.507.206
Chi phí nhân công	33.098.255.058	17.001.958.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.973.414.215	24.397.568.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.676.899.334	29.470.033.320
Chi phí khác bằng tiền	4.150.043.207	12.540.546.986
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	2.585.654.506.388	1.105.596.614.856

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	4.110.515.222	-	-	4.110.515.222
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.399.670.744	-	-	10.399.670.744
	<u>14.510.185.966</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.510.185.966</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	8.696.576.430	-	-	8.696.576.430
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.201.782.961	-	-	44.201.782.961
	<u>52.898.359.391</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>52.898.359.391</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	16.201.101.263	36.830.489.966	-	53.031.591.229
Phải trả người bán, phải trả khác	153.170.111.988	-	-	153.170.111.988
Chi phí phải trả	1.678.369.520	-	-	1.678.369.520
	171.049.582.771	36.830.489.966	-	207.880.072.737
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	50.120.635.883	57.830.489.966	-	107.951.125.849
Phải trả người bán, phải trả khác	209.273.847.193	-	-	209.273.847.193
Chi phí phải trả	1.555.822.630	-	-	1.555.822.630
	260.950.305.706	57.830.489.966	-	318.780.795.672

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Là công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tài chính Cổ Phần Tín Việt	Cổ đông lớn
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	(iii)
Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ	(iv)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	(v)

(i) Ông Lê Việt - Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

(iii) Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(iv) Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

(v) Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	1.596.729.671.230	721.322.284.190
Công ty Tôn Phương Nam	1.512.919.249.948	720.304.510.525
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	22.036.201.857	1.017.773.665
Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	61.774.219.425	-
Mua hàng	24.012.942.550	60.715.222.235
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	23.851.622.350	60.644.366.735
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	148.890.700	-
Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ	12.429.500	70.855.500
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	54.000.000	36.450.000
Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.300.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	36.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.300.000
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.300.000
Ông Tô Ngọc Huy	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT	611.560.318	348.373.303
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 11/04/2023)		160.593.785
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng giám đốc	488.413.838	406.762.241
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát			
Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	289.234.813	234.716.216
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 05/04/2024)	18.000.000	2.000.000
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	6.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	24.000.000	16.200.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế ngày 24/09/2024 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán					
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	83.332.681	1.531.685.186	1.448.352.505	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(169.943.621.279)	(171.391.973.784)	(1.448.352.505)	



Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 01 năm 2025



Nơi nhận:

- HNX;

- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *Uđ:*
TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ NGỌC HUY